

Số: 1242/QĐ-TTĐ-VVLGDNN

Hải Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi  
ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2025  
của Trung tâm Dịch vụ việc làm – Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc sáp nhập Trung tâm Dạy nghề vào Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Dương trực thuộc Sở lao động – Thương binh và xã hội; Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân về việc đổi tên Trung tâm Dịch vụ việc làm thành Trung tâm Dịch vụ việc làm – Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương; Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 07/2/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-SLĐTBXH ngày 25/12/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hải Dương về việc giao dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hải Dương về việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch – Tài chính,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố, công khai thực hiện dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2025 của Trung tâm Dịch vụ việc làm – Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

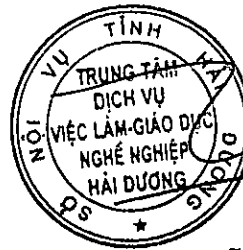
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Như điều 3;
- Công khai trên cổng TT điện tử của TT;
- Lưu: VT, KHTC.

**Q. GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Bá Thành**

Chương: 435

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 142/QĐ-TTĐVVLGDNN ngày 5.01.2025

của Trung tâm Dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương)

- Căn cứ Nghị định 63/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

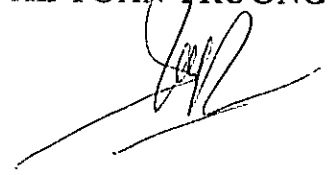
Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                    | Dự toán năm 2025 | Ước thực hiện 06 tháng năm 2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 06 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|---------------------------------------------|------------------|---------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| I     | Số thu phí, lệ phí                          |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| I     | Lệ phí                                      |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại            |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| I     | Chi quản lý hành chính                      |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| c     | Kinh phí nguồn học phí đào tạo              |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước       |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| I     | Lệ phí                                      |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước              |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                  | 6.654            | 1.235                           | 19%                                 | 104%                                                              |
| I     | Chi quản lý hành chính                      |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| 2     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | 6.654            | 1.235                           | 19%                                 | 104%                                                              |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              | 5.866            | 1.112,0                         | 19%                                 | 103%                                                              |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        | 788              | 123                             | 16%                                 | 121%                                                              |
| c     | Chi nguồn học phí, đào tạo                  | 0                | 0                               | 0%                                  | 0%                                                                |
| 3     | Chi đảm bảo xã hội                          |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                          |                  |                                 |                                     |                                                                   |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                     |                  |                                 |                                     |                                                                   |

NGƯỜI LẬP

  
 Nguyễn Thị Yên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
 Lê Thị Quỳnh

Hải Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2025



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

  
 Q. GIÁM ĐỐC  
 Nguyễn Bá Thành